

Chương 1 TỔNG QUAN VỀ HỆ HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH

Decision Support System Overview

- TS. Lê Đắc Nhường
- Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Hải Phòng
- Phone: (+84)987394900. Email: Nhuongld@dhhp.edu.vn
- Website: www.dhhp.edu.vn/~nhuongld

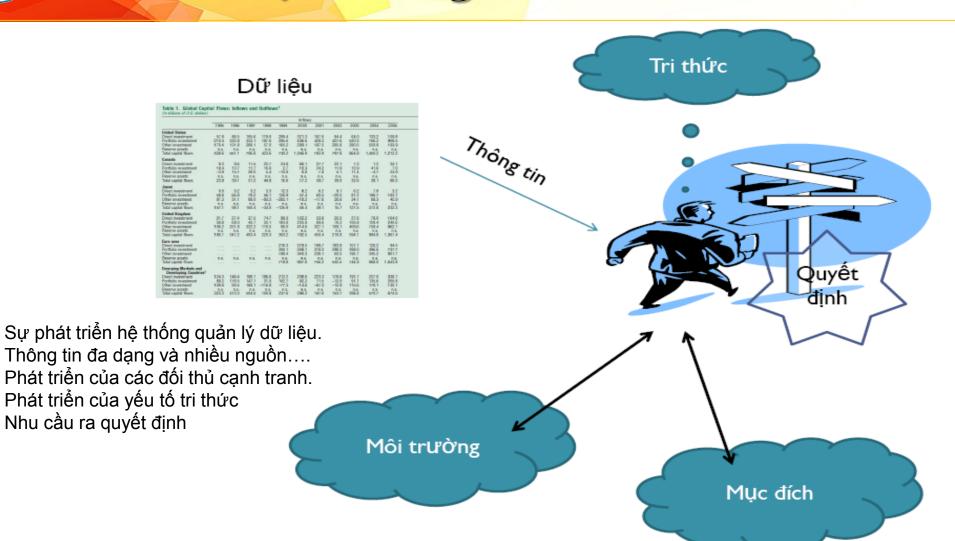
- 1. Giới thiệu chung
- 2. Mô hình hệ hỗ trợ ra quyết định
- 3. Phân loại các hệ hỗ trợ ra quyết định
- 4. Kiến trúc hệ hỗ trợ ra quyết định
- 5. Tính khả thi và độ tin cậy của hệ hỗ trợ ra quyết định



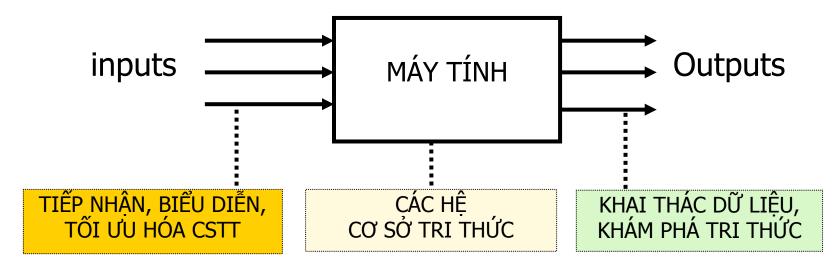
- Decision Support Systems (DSS)
 - Hệ hỗ trợ ra quyết định là phương pháp lấy tri thức đúng để cho ra quyết định hợp lý vào đúng lúc và có mức phí hợp lý.
 - Đó là sự kết hợp giữa tri thức và việc tạo lập quyết định.







- Công nghệ tri thức (Knowledge Engineering)
 - Là các phương pháp, kỹ thuật được những kỹ sư tri thức (knowledge engineers) dùng để xây dựng những hệ thống thông minh.
 - Mục tiêu: Nâng cao sự hữu dụng của máy tính, giúp con người gần gũi với máy tính hơn.



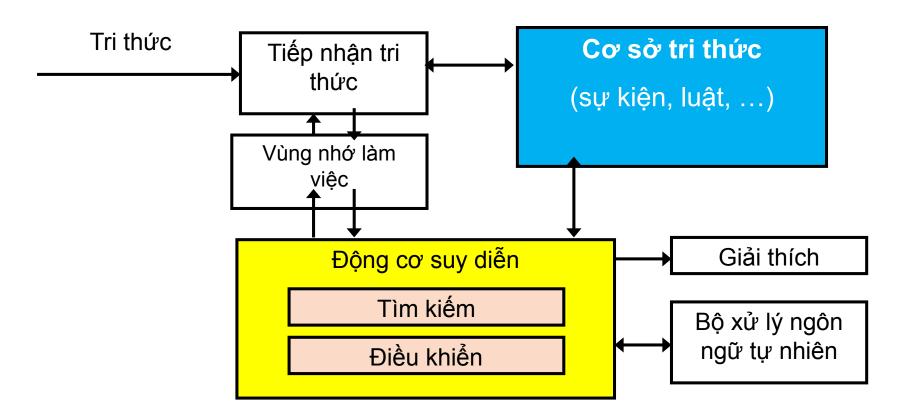
- Vai trò của tri thức trong DSS
 - Tạo sự đa dạng của các phương án.
 - Là cơ sở cho sự đúng đắn của quyết định.
- Yêu cầu
 - Hiểu tri thức
 - Mô tả tri thức
 - Quản lý tri thức
 - Xử lý tri thức

- Công nghệ tri thức (Knowledge Engineering)
 - Quản lý tri thức (Knowledge management): Bao gồm tiếp nhận, biểu diễn và tối ưu hóa cơ sở tri thức...
 - Các hệ cơ sở tri thức (Knowledge-based systems): Tìm hiểu cấu trúc, phân loại các hệ cơ sở tri thức, và một số hệ cơ sở tri thức điển hình.
 - Khai phá dữ liệu, khám phá tri thức (Data mining, knowledge discovery):
 nghiên cứu phương pháp, kỹ thuật để khai tác tri thức từ dữ liệu.

THOCHAI PAO

1. Giới thiệu chung

Công nghệ tri thức (Knowledge Engineering)





Tiếp nhận tri thức:

Thụ động

- Gián tiếp: Những tri thức kinh điển.
- Trực tiếp: Những tri thức kinh nghiệm (không kinh điển) do "chuyên gia lĩnh vực" đưa ra.

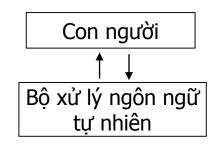
Chủ động

 Đối với những tri thức tiềm ẩn, không rõ ràng hệ thống phải tự phân tích, suy diễn, khám phá để có thêm tri thức mới

Giao tiếp người-máy

- In: Keyboard, Mouse, sensors, touch-pad, touchable screen, speech-recognition, ...
- Out: Text, graphics, voice, ...



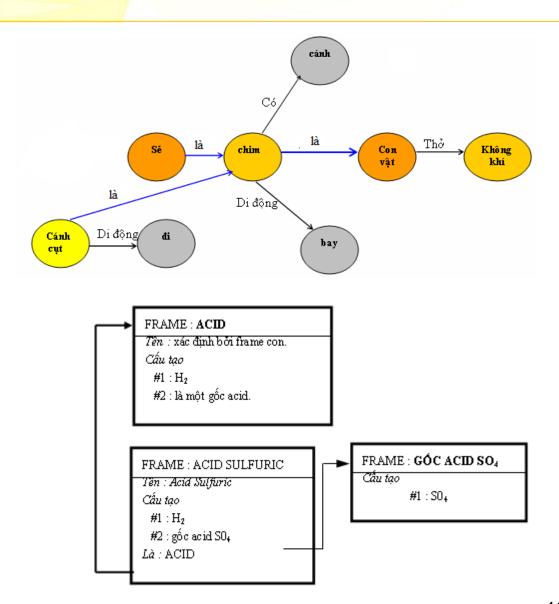






■ Biểu diễn tri thức:

- Logic mệnh đề & logic vị từ
- Hệ luật dẫn
- Đối tượng-thuộc tính-giá trị
- Mang ngữ nghĩa
- Frame
- Script
- •





■ Tối ưu cơ sở tri thức:

- Vấn đề mâu thuẫn, trùng lắp, dư thừa nảy sinh khi tri thức được tiếp nhận
 và biểu diễn trong cơ sở tri thức → Phải tối ưu cơ sở tri thức.
- Tùy thuộc vào cách biểu diễn tri thức, chúng ta sẽ có phương pháp thích hợp để tối ưu cơ sở tri thức.
- Ví dụ: Loại bỏ luật thừa trong cơ sở tri thức luật.

Luật	Điều kiện	Kết luận
Modus Ponens	$\alpha \Rightarrow \beta, \alpha$	β
Modus Tollens	$\alpha \Rightarrow \beta, \neg \beta$	$\neg \alpha$
Bắc cầu	$\alpha \Rightarrow \beta, \beta \Rightarrow \gamma$	$\alpha \Rightarrow \gamma$
Loại bỏ hội	$\alpha_1 \wedge \ldots \wedge \alpha_i \wedge \ldots \wedge \alpha_m$	$\alpha_{\rm i}$
Đưa vào hội	$\alpha_1, \dots, \alpha_i, \dots, \alpha_m$	$\alpha_1 \wedge \ldots \wedge \alpha_i \wedge \ldots \wedge \alpha_m$
Đưa vào tuyển	α_{i}	$\alpha_1 \vee \ldots \vee \alpha_i \vee \ldots \vee \alpha_m$
Phân giải	$\alpha \vee \beta, \neg \beta \vee \gamma$	$\alpha \vee \gamma$



- Phân loại hệ cơ sở tri thức:
 - Hệ cơ sở tri thức đóng: Là những hệ cơ sở tri thức được xây dựng với một số "tri thức lĩnh vực" ban đầu và chỉ những tri thức đó mà thôi trong suốt quá trình hoạt động hay suốt thời gian sống của nó (không đổi).
 - Ví dụ:

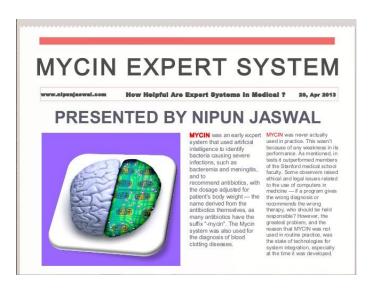


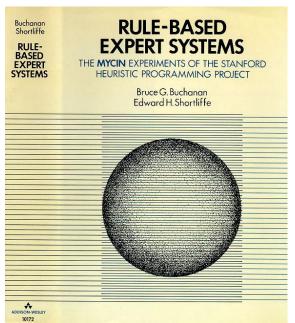


Hệ cơ sở tri thức về kinh dịch, những hệ giải toán, thường là những hệ cơ sở tri thức giải quyết vấn đề...



- Phân loại hệ cơ sở tri thức:
 - Hệ cơ sở tri thức mở: Là những hệ cơ sở tri thức tiên tiến hơn, nó có khả năng bổ sung tri thức trong quá trình hoạt động, khám phá.
 - Ví dụ:



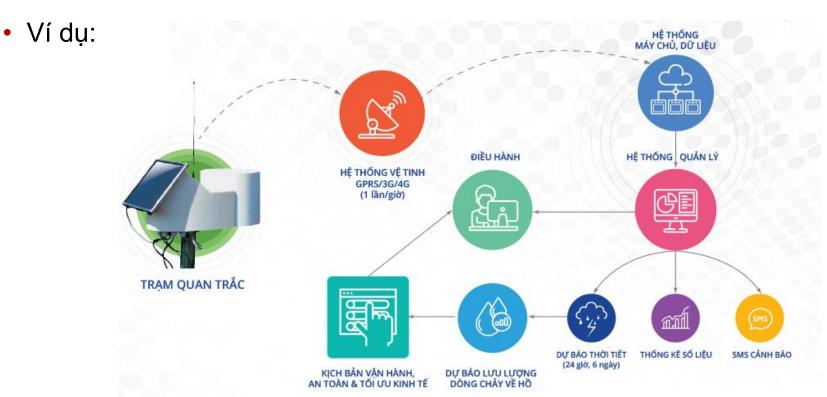


Hệ cơ sở tri thức chẩn đoán, dự báo chẳng hạn: hệ chẩn đoán y khoa MYCIN và EMYCIN, những hệ dự báo thời tiết, khí hậu, động đất, ...

THAT A HOUSE HALL A HOUSE HALL

1. Giới thiệu chung

- Phân loại hệ cơ sở tri thức:
 - Hệ cơ sở tri thức kết hợp: Sự kết hợp giữa hệ đóng và hệ mở, hệ kết hợp giữa CSTT và CSDL, hệ kết hợp giữa nhiều hệ CSTT tri thức liên ngành.



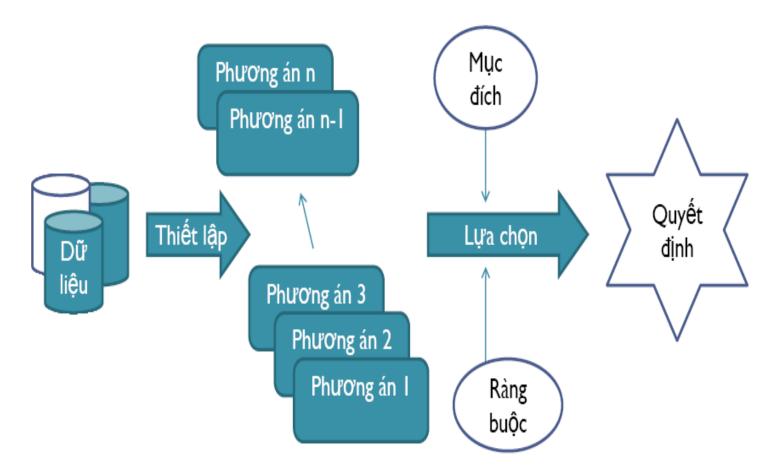
Những hệ hô trợ ra quyết định trong đời sông, kinh tê và khoa học;



- Tạo lập quyết định: 3 giai đoạn
 - Thu thập thông tin, tri thức,... (thu thập, chọn lọc, chuẩn hóa, ...)
 - Thiết kế: Xây dựng các phương án thay thế -> Phân tích phương án có tri thức mới.
 - Lựa chọn: Sử dụng các tri thức thu được để lựa chọn các phương án phù hợp. Phù
 hợp có thể là chi phí thấp và hiệu quả, có thể là phù hợp với mục tiêu đặt ra,...

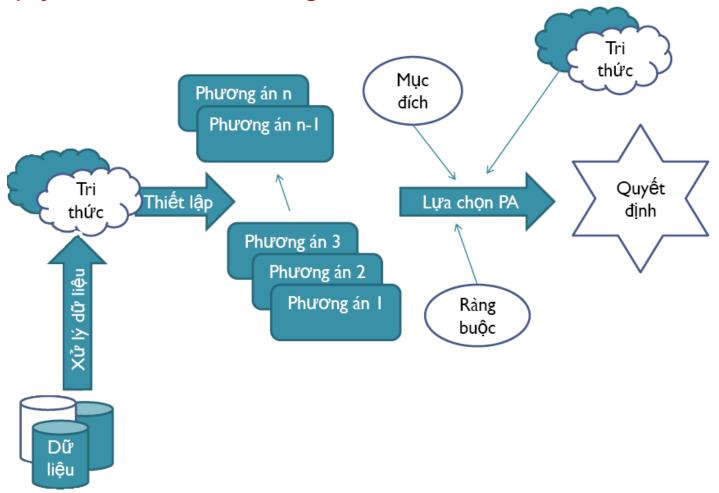


Tạo lập quyết định truyền thống





Tạo lập quyết định có sử dụng tri thức





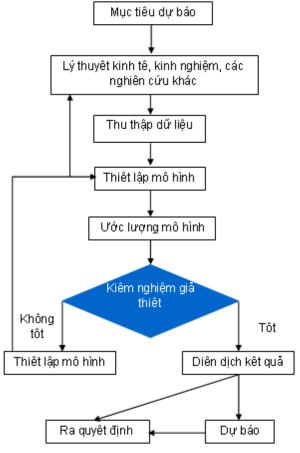
- Tạo lập quyết định: Các vấn đề gặp phải
 - Xác định vấn đề?
 - Lựa chọn dữ liệu cho phù hợp?
 - Mô tả tri thức và sử dụng tri thức thế nào ?
 - Bao nhiêu các phương án mới là đủ?
 - Lựa chọn để hướng mục tiêu với tri thức và ràng buộc, yếu tố môi trường?



■ Hệ dự báo, chẩn đoán

- Là những hệ hỗ trợ ra quyết định với tính ngoại suy cao hơn.
- Ví dụ: Bài toán chẩn đoán hỏng hóc xe, chẩn đoán y khoa, dự báo thị trường chứng khoán, thời tiết ...

Phương pháp luận dự báo nhân quá

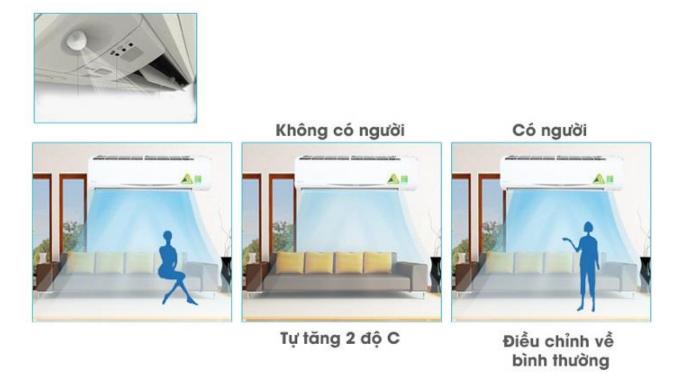


Nguôn: Ramanathan, 1998



■ Hệ điều khiển

- Là những hệ điều khiển thời gian thực (real-time systems) có cơ sở tri thức ứng dụng trong công nghiệp, trong điều khiển tự động hóa
- Một số hệ thống này có sử dụng kết hợp lý thuyết mờ để xử lý.
- Ví dụ:





3. Phân loại các hệ hỗ trợ ra quyết định

Tạo làm 5 xu hướng chính

- Model Driven
- Data Driven
- Communication Driven
- Document Driven
- Knowledge Driven



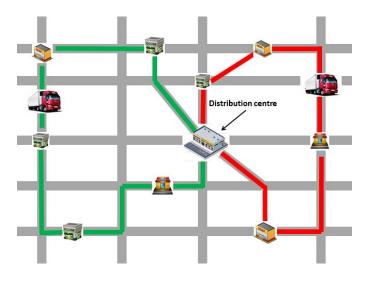


3.1 Model - Driven

- Mô hình vận dụng các mô hình toán tài chính, các mô hình dự báo, tối ưu và các mô hình giả lập để đưa ra sự hỗ trợ trong các quyết định của một vấn đề.
- Dữ liệu thường bị giới hạn về tham số, không gian (mô hình toán)
- Ví dụ: Mô hình hỗ trợ điều xe cho ít tốn chi phí và đến đủ các nơi

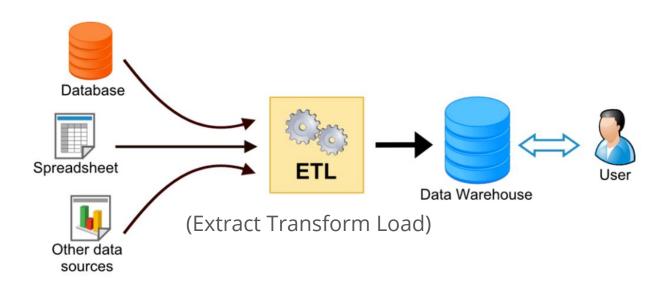


	Chi phí vận	chuyển				
	Trạm1	Trạm2	Trạm3	Trạm4	Trạm5	dự trữ
kho1	30	27	26	9	23	4
kho2	13	4	22	3	1	6
kho3	3	1	5	4	24	10
kho4	16	30	17	10	16	10
Nhu cầu tiêu thụ	7	7	7	7	2	



Thuật toán thế vị

- Mô hình sử dụng các dữ liệu có tính chất là chuỗi hay thời gian để tạo lập các báo cáo giúp cho việc ra quyết định.
- Mô hình phải phân tích và rút trích dữ liệu để tạo lập các báo cáo tổng hợp, các thông tin theo mục đích.
- Phát triển các ứng dụng Data Ware House





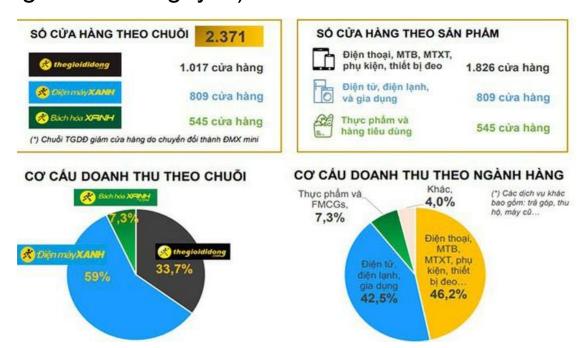
3.3 Communication - Driven

- Mô hình hỗ trợ ra quyết định dưới dạng nhóm.
- Giải quyết những vấn đề của nhóm người cùng ra quyết định
 - Nhiều phương án khác nhau để lựa chọn
 - Nhiều cách giải quyết khác nhau
 - Phương pháp kết nối giữa nhóm ra quyết định



3.4 Document - Driven

- Mô hình sử dụng các phương pháp phân tích và rút trích thông tin dạng văn bản (có thể là văn bản, tài liệu ảnh, phim, âm thanh...).
- Ví dụ: Hệ thống hỗ trợ nhà quản trị nhận thức thái độ và thị hiếu tiêu dùng của khách hàng qua các thông tin phản hồi (có thể là thư từ, hay hình ảnh nét mặt của khách hàng khi tới công ty...)

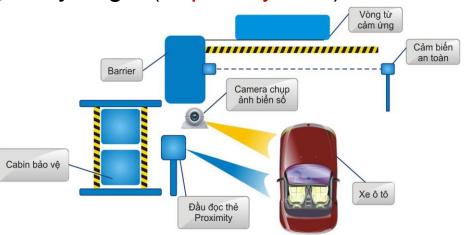




3.5 Knowledge - Driven

- Mô hình sử dụng hệ thống quản lý tri thức để áp dụng vào việc ra quyết định.
- Sử dụng trí tuệ nhân tạo
- Sự phát triển dần hình thành nên các hệ chuyên gia (Expert System)



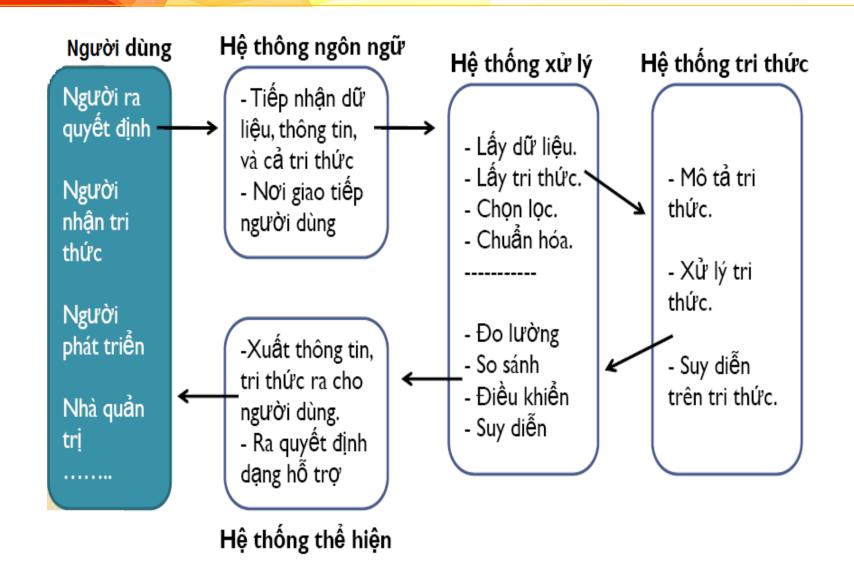








4. Kiến trúc hệ hỗ trợ ra quyết định





4. Kiến trúc hệ hỗ trợ ra quyết định

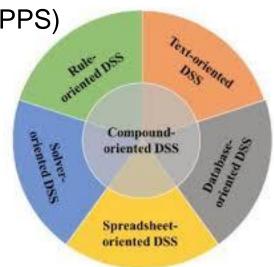
Bao gồm 4 phần căn bản

- Hệ thống ngôn ngữ (Language System LS)
- Hệ thống thể hiện (Presentation System PS)
- Hệ thống tri thức (Knowledge System KS)

■ Hệ thống xử lý (Problem Processing System – PPS)

Một số vấn đề đặt ra

- Ngôn ngữ là vấn đề lớn?
- Cách thể hiện tri thức?
- Quản lý tri thức?
- Phương pháp xử lý tri thức?



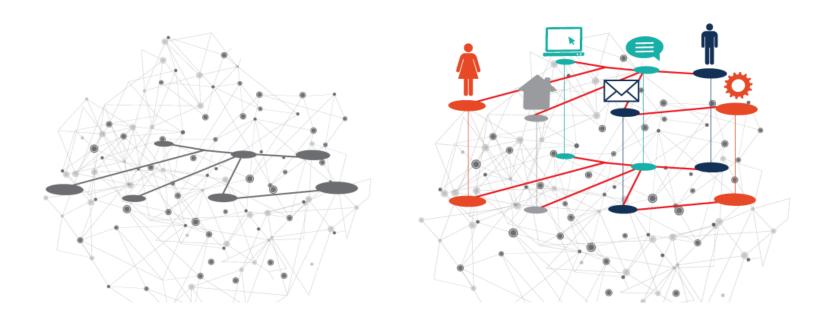
Sự biến đổi trong kiến trúc của DSS để hình thành nên một số dạng riêng biệt.



4.1 DSS hướng chuỗi (Text Oriented)

- Quan tâm đến xử lý chuỗi trong việc đạt tri thức từ lời nói, phát biểu,
 thông tin từ báo chí,...
- Mô tả tri thức dạng chuỗi (gần với con người, và ít có tính cấu trúc)
- Ví dụ: Xử lý thông tin Web với Hyperlink và XML ngữ nghĩa.

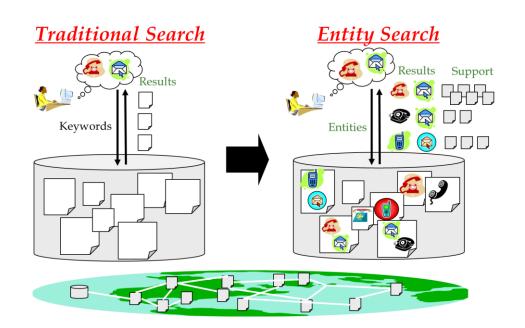
Web Semantic Web



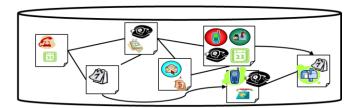


4.1 DSS hướng chuỗi (Text Oriented)

Tìm kiếm dựa trên thực thể



Given:



Input: Keywords & Entities (optionally with a pattern)

E.g. Amazon Customer Service #phone

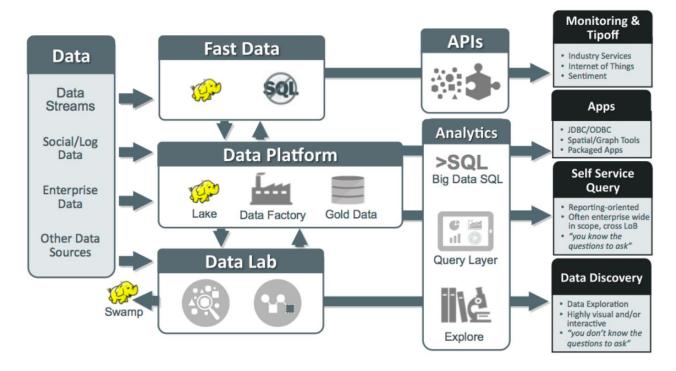
Output: Ranked Entity Tuples

	0.90	
(P	0.80	
	0.60	
•••	•••	



4.2 DSS hướng dữ liệu (Data Oriented)

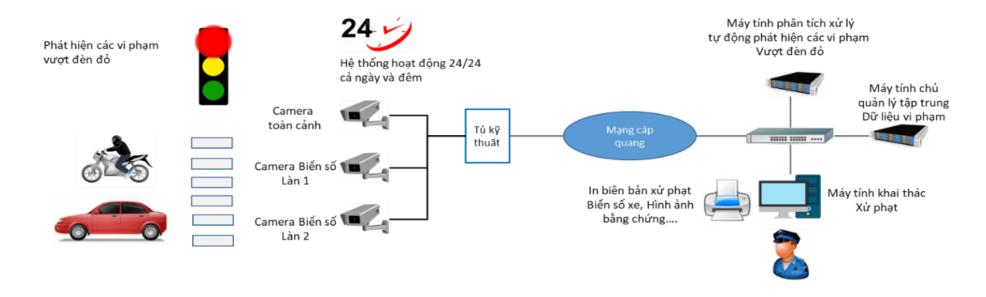
- Khai thác dữ liệu dạng bảng để đạt và mô tả tri thức.
- Ưu điểm mang tính cấu trúc, nhưng lại không gần với con người.
- Thường sử dụng các ngôn ngữ truy vấn cấu trúc để khai thác.
- Ví dụ:





4.3 DSS hướng giải pháp (Solve Oriented)

- Quan tâm nhiều đến giải pháp hỗ trợ.
- Các giải pháp chủ yếu: mô hình toán tài chính, mô hình dự báo, mô hình tối
 ưu,.... > Sự thay đổi các giải pháp cho phù hợp
- Ví dụ: Solve Oriented DSS





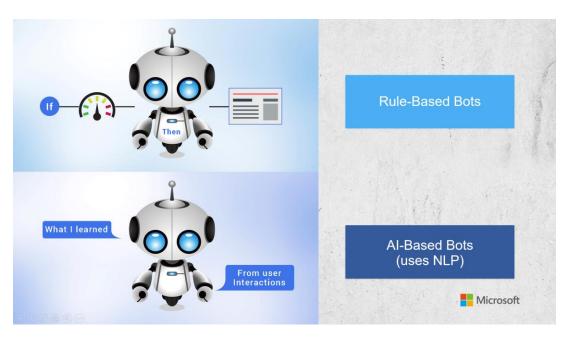
4.4 DSS hướng luật (Rule oriented)

Mô phỏng sự ra quyết định của con người với suy diễn kiểu

"nếu ... thì ..."

- Hướng đến mô tả tri thức qua các luật.
- Chủ yếu là các hệ chuyên gia trong lĩnh vực hẹp nào đó.
- Ví dụ: Rule Oriented DSS, R

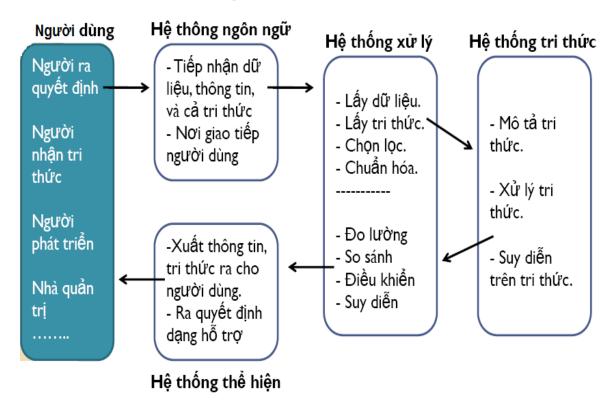






4.5 DSS tổ hợp (Compound)

Là sự kết hợp các phương pháp ở trước



- Tất cả đều có thành phần suy diễn tri thức.
- Mỗi một thứ có thể có suy diễn từ đơn giản đến phức tạp.
- Mỗi một thứ có thể có cơ chế lưu giữ và khai thác tri thức khác nhau.



5. Tính khả thi và độ tin cậy

- Người sử dụng
- Tính khả thi của DSS.
 - Độ phức tạp
 - Chi phí
- Tính ứng dụng của DSS
 - Úng dụng trong nhiều lĩnh vực?
 - Có thể thay thế các chuyên gia thực?
- Độ tin cậy của DSS?